

**VACO**



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**

Tầng 4 - 168 Đường Láng, Quận Đống Đa

Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Tel: +84-4 3577 0781 / Fax: +84-4 3577 0787

[www.vaco.com.vn](http://www.vaco.com.vn) / [vacohn@vaco.com.vn](mailto:vacohn@vaco.com.vn)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ 1/1/2012 đến 30/6/2012**

CNTB/GA/1GH L2698-600/1

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ 1/1/2012 đến 30/6/2012**

---

**Hà Nội, tháng 08 năm 2012**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 21

ONTBGA1CH L2698-6001



**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012.

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Cường	Thành viên
Ông Nghiêm Tiến Sỹ	Thành viên
Ông Lê Thuận Hòa	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Văn Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

  
CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN  
TÂN VIỆT  
TÂY HỒ - TP. HÀ NỘI

**Nguyễn Văn Dũng**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2012

Số: 203 /VACO/BCKT.NV2

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (gọi tắt là "Công ty") tại ngày 30/06/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 được lập ngày 14/08/2012 từ trang 3 đến trang 21 kèm theo. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 01, việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo nhận xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.



**Lê Xuân Thắng**  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0043/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2012



**Phạm Xuân Sơn**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1450/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**MẪU B 01-CTCK**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150)	<b>100</b>		<b>1.850.815.884.404</b>	<b>1.639.136.119.579</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>108.387.740.823</b>	<b>78.558.164.149</b>
1. Tiền	111		23.387.740.823	18.023.164.149
2. Các khoản tương đương tiền	112		85.000.000.000	60.535.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>71.304.001.018</b>	<b>51.389.398.064</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		127.470.468.115	122.953.418.937
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(56.166.467.097)	(71.564.020.873)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.666.394.363.226</b>	<b>1.504.436.120.202</b>
1. Phải thu của khách hàng	131	6	155.586.102.064	124.272.657.203
2. Trả trước cho người bán	132		2.366.588.261	1.329.953.812
3. Các khoản phải thu khác	138	7	1.508.441.672.901	1.378.833.509.187
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.729.779.337</b>	<b>4.752.437.164</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		170.586.617	649.659.899
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		34.336.529	21.427.737
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	4.524.856.191	4.081.349.528
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260)	<b>200</b>		<b>9.197.095.941</b>	<b>10.687.373.339</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.073.919.926</b>	<b>5.868.225.269</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.005.595.301	4.469.130.857
- Nguyên giá	222		25.390.280.433	25.290.381.733
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.384.685.132)	(20.821.250.876)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	1.068.324.625	1.399.094.412
- Nguyên giá	228		8.237.103.833	8.024.576.833
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.168.779.208)	(6.625.482.421)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.123.176.015</b>	<b>4.819.148.070</b>
1. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	263	11	4.862.501.015	4.578.473.070
2. Tài sản dài hạn khác	268		260.675.000	240.675.000
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>1.860.012.980.345</b>	<b>1.649.823.492.918</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

**MẪU B 01-CTCK**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			30/06/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>1.481.191.102.501</b>	<b>1.282.817.157.568</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>1.481.175.527.214</b>	<b>1.282.794.668.381</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	81.042.089.762	41.950.425.130
2. Phải trả người bán	312		312.272.414	704.959.318
3. Người mua trả tiền trước	313		415.137.647	572.093.676
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	4.259.542.639	534.898.808
5. Phải trả người lao động	315		1.672.450.440	2.465.161.826
6. Chi phí phải trả	316	14	232.036.389.372	117.811.298.969
7. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		(4.524.708)	(33.721.243)
8. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	14.241.016
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1.813.342.538	1.416.427.127
10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	328	15	1.159.628.827.110	1.117.358.883.754
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>15.575.287</b>	<b>22.489.187</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		15.575.287	22.489.187
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>	<b>16</b>	<b>378.821.877.844</b>	<b>367.006.335.350</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>378.821.877.844</b>	<b>367.006.335.350</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		350.000.000.000	350.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.822.097.942	7.023.082.530
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		20.999.779.902	9.983.252.820
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>400</b>		<b>1.860.012.980.345</b>	<b>1.649.823.492.918</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	Đơn vị: VND	
	30/06/2012	31/12/2011
Chứng khoán của Công ty	80.270.140.000	62.139.320.000
Chứng khoán của nhà đầu tư	1.956.895.630.000	1.571.487.160.000



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2012

Lê Thanh Tùng  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền  
Người lập biểu

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

Mẫu B 02-CTCK  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012	Từ 01/01/2011
			đến 30/06/2012	đến 30/06/2011
<b>1. Doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>150.640.318.596</b>	<b>91.268.823.019</b>
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		16.850.771.089	9.393.733.698
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.821.806.994	1.773.507.306
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		2.400.374.334	2.203.242.381
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	-
Doanh thu khác	01.9		129.567.366.179	77.898.339.634
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>02</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>150.640.318.596</b>	<b>91.268.823.019</b>
<b>4. Chi phí hoạt động kinh doanh</b>	<b>11</b>	<b>18</b>	<b>129.350.503.990</b>	<b>78.677.110.979</b>
<b>5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>21.289.814.606</b>	<b>12.591.712.040</b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>25</b>		<b>5.155.005.636</b>	<b>7.469.395.535</b>
<b>7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)</b>	<b>30</b>		<b>16.134.808.970</b>	<b>5.122.316.505</b>
<b>8. Thu nhập khác</b>	<b>31</b>		<b>6.950.390</b>	<b>1.989.000</b>
<b>9. Chi phí khác</b>	<b>32</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>10. Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>6.950.390</b>	<b>1.989.000</b>
<b>11. Tổng lợi nhuận kê toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>16.141.759.360</b>	<b>5.124.305.505</b>
<b>12. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>19</b>	<b>3.526.651.455</b>	<b>-</b>
<b>13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>12.615.107.905</b>	<b>5.124.305.505</b>
<b>15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>20</b>	<b>360</b>	<b>146</b>



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2012

Lê Thanh Tùng  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**Mẫu B 03-CTCK**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	16.141.759.360	5.124.305.505
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	2.106.731.043	2.798.082.833
- Các khoản dự phòng	03	(15.397.553.776)	117.991.604
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(118.247.094.678)	(64.745.954.242)
- Chi phí lãi vay	06	118.095.385.435	42.924.142.446
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	2.699.227.384	(13.781.431.854)
- Tăng, Giảm các khoản phải thu	09	(48.194.062.190)	(713.429.164.804)
- Tăng, Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	35.063.280.091	682.648.689.981
- Tăng, Giảm chi phí trả trước	12	479.073.282	254.499.503
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2.852.375.269)	(46.482.313.457)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(713.041.845)	(1.072.954.022)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(13.517.898.547)</b>	<b>(91.862.674.653)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	312.425.700	(295.244.500)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	5.277.683.100
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(6.119.712.195)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	5.783.158.732
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.943.384.889	75.587.967.908
<b>Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>4.255.810.589</b>	<b>80.233.853.045</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	162.158.588.291	1.191.966.007.651
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(123.066.923.659)	(1.274.757.265.852)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>39.091.664.632</b>	<b>(82.791.258.201)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	50	<b>29.829.576.674</b>	<b>(94.420.079.809)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	78.558.164.149	192.461.224.984
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	70	<b>108.387.740.823</b>	<b>98.041.145.175</b>



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2012

Lê Thanh Tùng  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền  
Người lập biểu

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**  
Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012

**MẪU B05 – CTCK**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/ giảm				Số dư cuối kỳ	
		Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước		Kỳ này		Kỳ trước	Kỳ này
A	B	1	2	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		350.000.000.000	350.000.000.000	-	-	-	-	350.000.000.000	350.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		6.495.082.530	7.023.082.530	528.000.000	-	799.015.412	-	7.023.082.530	7.822.097.942
3. Lợi nhuận chưa phân phối		6.405.589.601	9.983.252.820	5.124.305.505	(4.412.490.891)	12.615.107.905	(1.598.580.823)	7.117.404.215	20.999.779.902



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2012

Lê Thanh Tùng  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền  
Người lập biểu

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006 và Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHĐKD do Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28/12/2006.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2012 là 199 người (tại ngày 31/12/2011 là 196 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của các nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, nằm trong tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư số 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên, cho đến thời điểm lập báo cáo tài chính này chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210. Do đó, các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính này vẫn được trình bày theo giá gốc. Tuy nhiên, Công ty đã nghiên cứu và phân tích ảnh hưởng của Thông tư này đến các báo cáo tài chính của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đánh giá, Thông tư này không ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu trình bày trong kỳ này và các kỳ kế toán trước của Công ty.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch. Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/06/2012 để công bố thông tin theo quy định hiện hành đối với Công ty chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

**Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

**Các bên liên quan**

Công ty Cổ phần Tập đoàn HiPT.

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty sử dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Tiền ký quỹ của nhà đầu tư**

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán. Khoản tiền này đang được theo dõi chung trong tài khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty.

**Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán**

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

**Đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính**

**Đầu tư chứng khoán**

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Đầu tư tài chính và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

**Đầu tư chứng khoán (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01/02/2000 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán của các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với chứng khoán của các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng do không thu thập được các thông tin về giá thị trường nên Công ty không thay đổi giá trị dự phòng đã trích tại thời điểm 31/12/2011.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

**Các hợp đồng bán lại**

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại không được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thận trọng trừ khi Công ty có khả năng nhận được phần chênh lệch này một cách chắc chắn.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu**

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả hộ cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

**Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán**

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Máy móc, thiết bị	03 – 06
Phương tiện vận tải	03 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 06
Tài sản cố định khác	03

**Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 3 năm.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn góp thực tế của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối sau khi trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật và điều lệ công ty sẽ được phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

**Doanh thu**

• **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

• **Doanh thu hoạt động tư vấn:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU B 09-CTCK***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Doanh thu (Tiếp theo)****• Doanh thu khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh và chỉ được ghi vào vốn chủ sở hữu nếu liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Tại ngày 30/06/2012, Công ty không có tài sản cũng như công nợ thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận do không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị tài sản và công nợ ghi sổ được trình bày trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập có thể được sử dụng trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	-	63.501.500
Tiền gửi ngân hàng	19.577.561.251	15.108.051.401
Tiền gửi thanh toán bù trừ GDCK	3.810.179.572	2.851.611.248
Các khoản tương đương tiền (*)	85.000.000.000	60.535.000.000
	<b>108.387.740.823</b>	<b>78.558.164.149</b>

Trong số dư tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền có bao gồm 106.091.126.000 VND là tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán (xem thêm Thuyết minh số 15).

Ghi chú: (\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các tổ chức tín dụng.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Chứng khoán tự doanh	127.470.468.115	122.953.418.937
Cổ phiếu chưa niêm yết	35.739.939.533	35.725.491.863
Cổ phiếu niêm yết	91.728.628.582	87.226.027.074
Trái phiếu	1.900.000	1.900.000
<b>Trừ : Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn</b>	<b>(56.166.467.097)</b>	<b>(71.564.020.873)</b>
Dự phòng chứng khoán chưa niêm yết	(23.527.274.863)	(23.527.274.863)
Dự phòng chứng khoán niêm yết	(32.639.192.234)	(48.036.746.010)
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>71.304.001.018</b>	<b>51.389.398.064</b>

	Số lượng chứng khoán	Giá trị theo sổ kế toán VND	Giảm so với giá thị trường VND	Giá trị theo giá thị trường VND
<i>Chứng khoán đầu tư</i>	8.027.014	127.470.468.115	(56.166.467.097)	71.304.001.018
Chứng khoán sẵn sàng để bán	8.027.014	127.470.468.115	(56.166.467.097)	71.304.001.018
	<b>8.027.014</b>	<b>127.470.468.115</b>	<b>(56.166.467.097)</b>	<b>71.304.001.018</b>

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Phải thu hoạt động ký quỹ mua chứng khoán	150.742.871.870	120.859.054.739
Phải thu hoạt động ứng trước cho nhà đầu tư	3.371.287.940	1.621.410.210
Phải thu hoạt động tư vấn	1.471.942.254	1.792.192.254
	<b>155.586.102.064</b>	<b>124.272.657.203</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<b>30/06/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi dự thu hợp đồng bán lại chứng khoán (1)	216.188.222.983	101.560.852.083
Lãi dự thu hợp đồng giao dịch mua ký quỹ chứng khoán	845.042.467	1.619.258.854
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	-	323.661.111
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn (2)	567.714.520.200	567.714.520.200
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty CP Bất động sản Phú Vinh (2)	350.000.000.000	350.000.000.000
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty CP Đầu tư Kim cương xanh (2)	200.000.000.000	200.000.000.000
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty CP DV Thương mại Hồ Chí Minh (2)	150.000.000.000	150.000.000.000
Phải thu các hợp đồng bán lại chứng khoán nhỏ lẻ khác	672.294.444	672.294.444
Phải thu cổ tức	-	397.952.000
Phải thu khác	23.021.592.807	6.544.970.495
	<b>1.508.441.672.901</b>	<b>1.378.833.509.187</b>

**Ghi chú:**

(1): Khoản lãi dự thu Công ty đang ước tính cho các hợp đồng mua bán lại chứng khoán, theo hợp đồng thì đối tác của Công ty cam kết mua lại toàn bộ số cổ phần đã bán cho Công ty hoặc phải nhận nợ vô điều kiện và cam kết phải thanh toán cho Công ty khoản tiền chênh lệch mà tổng giá trị xử lý cổ phần thấp hơn giá trị hợp đồng. Tính đến thời điểm lập báo cáo tài chính, các hợp đồng này đã được tiếp tục gia hạn cho thời gian tới.

(2): Phải thu liên quan đến các hợp đồng bán lại chứng khoán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn với giá trung bình 21.101 đồng/một cổ phần; hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Bất động sản Phú Vinh với giá trung bình 10.000 đồng/cổ phần; hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Đầu tư Kim Cương Xanh với giá trung bình 10.000 đồng/cổ phần và hợp đồng bán lại chứng khoán của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hồ Chí Minh với giá trung bình 100.000 đồng/cổ phần. Cổ phiếu của các Công ty này chưa niêm yết. Tại ngày 31/12/2011, Công ty không trích lập dự phòng cho các khoản phải thu này do không có căn cứ để xác định giá thị trường của các cổ phiếu.

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	<b>30/06/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tạm ứng	3.989.717.091	3.463.096.928
Tài sản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	535.139.100	618.252.600
	<b>4.524.856.191</b>	<b>4.081.349.528</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ, quản VND	TSCĐ hữu hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 31/12/2011	20.368.195.737	1.066.243.200	3.582.153.784	273.789.012	25.290.381.733
Tăng trong kỳ	99.898.700	-	-	-	99.898.700
Mua sắm mới	99.898.700	-	-	-	99.898.700
Tại ngày 30/06/2012	<u>20.468.094.437</u>	<u>1.066.243.200</u>	<u>3.582.153.784</u>	<u>273.789.012</u>	<u>25.390.280.433</u>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 31/12/2010	16.612.394.209	729.201.981	3.205.865.674	273.789.012	20.821.250.876
Tăng trong kỳ	1.318.910.996	88.853.604	155.669.656	-	1.563.434.256
Khấu hao trong kỳ	1.318.910.996	88.853.604	155.669.656	-	1.563.434.256
Tại ngày 30/06/2012	<u>17.931.305.205</u>	<u>818.055.585</u>	<u>3.361.535.330</u>	<u>273.789.012</u>	<u>22.384.685.132</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2011	3.755.801.528	337.041.219	376.288.110	-	4.469.130.857
Tại ngày 30/06/2012	<u>2.536.789.232</u>	<u>248.187.615</u>	<u>220.618.454</u>	<u>-</u>	<u>3.005.595.301</u>

Tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2012 của máy móc thiết bị là 13.176.375.788 VND, thiết bị quản lý là 2.732.218.993 VND và tài sản cố định hữu hình khác là 273.789.012 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Tại ngày 31/12/2011	8.024.576.833	8.024.576.833
Tăng trong kỳ	212.527.000	212.527.000
Mua sắm mới	212.527.000	212.527.000
Tại ngày 30/06/2012	<u>8.237.103.833</u>	<u>8.237.103.833</u>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 31/12/2011	6.625.482.421	6.625.482.421
Tăng trong kỳ	543.296.787	543.296.787
Khấu hao trong kỳ	543.296.787	543.296.787
Tại ngày 30/06/2012	<u>7.168.779.208</u>	<u>7.168.779.208</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 31/12/2011	1.399.094.412	1.399.094.412
Tại ngày 30/06/2012	<u>1.068.324.625</u>	<u>1.068.324.625</u>

**11. TIỀN NỢ QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN**

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền nợ ban đầu	124.489.244	124.489.244
Tiền nợ bổ sung	4.156.195.117	3.872.167.172
Tiền lãi phân bổ trong năm	581.816.654	581.816.654
	<u>4.862.501.015</u>	<u>4.578.473.070</u>

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/06/2012 VND	31/12/2011 VND
Vay cá nhân và tổ chức (*)	81.042.089.762	41.950.425.130
	<u>81.042.089.762</u>	<u>41.950.425.130</u>

Ghi chú: Bao gồm nhiều hợp đồng vay cá nhân, tổ chức với lãi suất từ 17,0%/ năm đến 18,42%/ năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	4.177.644	26.803.530
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.526.651.455	-
Thuế thu nhập cá nhân	728.713.540	508.095.278
	<b>4.259.542.639</b>	<b>534.898.808</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa (1)	230.529.166.666	115.897.222.222
Lãi vay phải trả tổ chức và các nhân khác	1.294.425.326	683.359.604
Chi phí phải trả khác (2)	212.797.380	1.230.717.143
	<b>232.036.389.372</b>	<b>117.811.298.969</b>

Ghi chú:

(1): Khoản lãi phải trả liên quan đến các khoản phải trả Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa đã được trình bày trên thuyết minh số 15.

(2): Khoản chi phí thuê nhà trích trước.

**15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền gửi thanh toán của nhà đầu tư	106.091.126.000	64.218.562.444
Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa (*)	1.050.000.000.000	1.050.000.000.000
Phải trả phải nộp khác	3.537.701.110	3.140.321.310
	<b>1.159.628.827.110</b>	<b>1.117.358.883.754</b>

Ghi chú: (\*) Gồm 8 hợp đồng đặt cọc mua chứng khoán của Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa. Các hợp đồng trên có kỳ hạn dưới hoặc bằng 1 năm. Theo đó, Ngân hàng TMCP Việt Nam Tín Nghĩa sẽ đặt cọc một khoản tiền cho Công ty để thực hiện mua chứng khoán theo hợp đồng, trong trường hợp không mua được, Công ty phải chịu lãi tính trên số tiền đặt cọc trên. Lãi suất từ ngày ký hợp đồng đến ngày 01/09/2011 là 21%/năm, lãi suất từ ngày 01/09/2011 là 17%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	VND	VND	VND
Số dư tại 31/12/2010	350.000.000.000	6.495.082.530	6.405.589.601
Tăng trong năm	-	528.000.000	7.990.154.110
Trích quỹ trong năm	-	528.000.000	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	7.990.154.110
Giảm trong năm	-	-	(4.412.490.891)
Phân phối lợi nhuận 2010	-	-	(4.412.490.891)
Số dư tại 31/12/2011	350.000.000.000	7.023.082.530	9.983.252.820
Tăng trong kỳ	-	799.015.412	12.615.107.905
Trích quỹ trong kỳ	-	799.015.412	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	12.615.107.905
Giảm trong kỳ	-	-	(1.598.580.823)
Phân phối lợi nhuận 2011 (*)	-	-	(1.598.030.823)
Giảm khác	-	-	(550.000)
Số dư tại 30/06/2012	350.000.000.000	7.822.097.942	20.999.779.902

Ghi chú: Theo Nghị quyết số 22/2012/NQ-ĐHĐCĐ - Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 ngày 19 tháng 05 năm 2012, phương án phân phối lợi nhuận năm 2011 được thông qua như sau:

- Trích quỹ dự phòng tài chính:	799.015.412 VND
+ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	399.507.706 VND
+ Quỹ dự trữ bắt buộc	399.507.706 VND
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	799.015.412 VND

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 VND. Tại ngày 30/06/2012, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại 30/06/2012	
	VND	%	VND	%
Ngân hàng TMCP Sài Gòn	38.500.000.000	11,00%	38.500.000.000	11,00%
Ông Nguyễn Văn Dũng	68.627.390.000	19,61%	68.627.390.000	19,61%
Ông Nguyễn Việt Cường	62.809.030.000	17,95%	62.809.030.000	17,95%
Công ty Cổ phần Tập đoàn HiPT	11.054.590.000	3,16%	11.054.590.000	3,16%
Các cổ đông khác	169.008.990.000	48,29%	169.008.990.000	48,29%
<b>Tổng cộng</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>350.000.000.000</b>	<b>100%</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU B 09-CTCK

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## 16. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tình hình phát hành cổ phiếu của Công ty như sau:

	Đơn vị tính	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011
Cổ phiếu phổ thông			
+ Số cổ phiếu được phép phát hành	cổ phần	35.000.000	35.000.000
+ Số cổ phiếu đã được phát hành và được góp vốn đầy đủ	cổ phần	35.000.000	35.000.000
+ Mệnh giá của cổ phiếu	đồng/ cổ phần	10.000	10.000
+ Số cổ phiếu đang lưu hành tại thời điểm cuối năm	cổ phần	35.000.000	35.000.000

## 17. DOANH THU

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	16.850.771.089	9.393.733.698
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.821.806.994	1.773.507.306
Doanh thu hoạt động tư vấn	2.400.374.334	2.203.242.381
Doanh thu khác	129.567.366.179	77.898.339.634
Doanh thu lãi tiền gửi; lãi hoạt động đầu tư chứng khoán	1.797.916.784	147.180.100
Doanh thu hoạt động giao dịch mua ký quỹ chứng khoán	13.117.960.191	24.894.013.560
Doanh thu các hoạt động mua bán lại chứng khoán	114.627.370.900	52.833.200.000
Doanh thu khác	24.118.304	23.945.974
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>150.640.318.596</b>	<b>91.268.823.019</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>150.640.318.596</b>	<b>91.268.823.019</b>

## 18. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Chi phí môi giới	2.150.863.542	1.263.677.798
Chi phí đầu tư chứng khoán góp vốn	5.348.849.122	8.862.853.667
Chi phí dự phòng	(15.397.553.776)	-
Chi phí lãi vay	118.095.385.435	41.131.445.048
Chi phí nhân viên	7.482.013.728	9.395.930.294
Chi phí khác	11.670.945.939	18.023.204.172
	<b>129.350.503.990</b>	<b>78.677.110.979</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**19. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	16.141.759.360	5.124.305.505
<b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế</b>		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế (cổ tức được chia)	(1.791.550.927)	(1.574.035.711)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	277.823.502	-
Chuyển lỗ của năm trước	(521.426.116)	(3.550.269.794)
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>14.106.605.819</b>	-
Thuế suất	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>3.526.651.455</b>	-

**20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Lợi nhuận cơ bản để tính lãi trên cổ phiếu	12.615.107.905	5.124.305.505
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.000.000	35.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>360</b>	<b>146</b>

**21. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG KỲ**

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VND	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VND
a) Cửa Công ty chứng khoán	2.548.217	13.466.294.300
- Cổ phiếu	2.548.217	13.466.294.300
b) Cửa nhà đầu tư	1.104.709.870	12.986.696.494.900
- Cổ phiếu	1.104.709.870	12.986.696.494.900
- Chứng chỉ quỹ		
	<b>1.107.258.087</b>	<b>13.000.162.789.200</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-CTCK**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

**22. CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các khoản lương, thưởng của Ban Giám đốc trong năm:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND
Lương, thưởng của Ban Giám đốc	571.005.600
	<u>571.005.600</u>

**23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là các khoản thuê văn phòng làm việc của Công ty. Chi phí thuê hoạt động đã ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trong kỳ là 4.020.911.681 VND.

Tại ngày 30/06/2012, Công ty có khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/06/2012 VND	Từ 01/01/2011 đến 30/06/2011 VND
Trong vòng một năm tới	6.786.360.909	8.921.354.413
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.953.818.182	5.346.998.637
	<u>8.740.179.091</u>	<u>14.268.353.050</u>

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011 chưa được soát xét.



Nguyễn Văn Dũng  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2012

Lê Thanh Tùng  
Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền  
Người lập biểu